

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BẮC NINH

Số: 24/1/CTBNI-TTHT
V/v chính sách thuế nhà thầu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH Masslam Vina

Mã số thuế: 2300857857

Địa chỉ: KCN Yên Phong, xã Long Châu, huyện Yên Phong,
tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 01/08/2022, Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh nhận được công văn số 0101/CV ngày 29/07/2022 của Công ty TNHH Masslam Vian (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đề nghị hướng dẫn về chính sách thuế nhà thầu. Về vấn đề này, Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh có ý kiến như sau:

Tại điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam quy định:

“Điều 1. Đối tượng áp dụng

Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):

1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu.”

Tại điều 4 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam quy định:

‘Điều 4. Người nộp thuế

...
2. Tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức đăng ký hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức khác và cá nhân sản xuất kinh doanh: mua dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa hoặc trả thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu hoặc hợp đồng nhà thầu phụ; mua hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ hoặc theo các điều khoản thương mại quốc tế (Incoterms); thực hiện phân phối hàng hóa, cung cấp dịch vụ thay cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Bên Việt Nam) bao gồm:



- Các tổ chức kinh doanh được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Hợp tác xã;

... Người nộp thuế theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 4 Chương I có trách nhiệm khấu trừ số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp hướng dẫn tại Mục 3 Chương II trước khi thanh toán cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài."

Tại khoản 6 Điều 7 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế quy định:

"Điều 7. Địa điểm nộp và hồ sơ đăng ký thuế lần đầu

6. Đối với người nộp thuế là tổ chức, cá nhân khẩu trù nộp thay và tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu quy định tại Điểm g, m Khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan thuế như sau:

a) Tổ chức, cá nhân khẩu trù nộp thay cho nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.1-DK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê các hợp đồng nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua Bên Việt Nam mẫu số 04.1-DK-TCT-BK."

Tại Điều 2 Luật thuế TNCN số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 hướng dẫn về đối tượng nộp thuế TNCN quy định:

"Điều 2. Đối tượng nộp thuế

1. Đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân là cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.

2. Cá nhân cư trú là người đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc tính theo 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam;

b) Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam, bao gồm có nơi ở đăng ký thường trú hoặc có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo hợp đồng thuê có thời hạn.

3. Cá nhân không cư trú là người không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này."

Tại khoản 1 Điều 3 Luật thuế TNCN số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007, đã được sửa đổi bổ sung tại Khoản 1 Điều 2 Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 quy định:

"Điều 2

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 26/2012/QH13.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Thu nhập từ kinh doanh, bao gồm:

a) Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;

b) Thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập của cá nhân có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật.

Thu nhập từ kinh doanh quy định tại khoản này không bao gồm thu nhập của cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống.”

Tại Điều 25 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính quy định:

“Điều 25. Khấu trừ thuế và chứng từ khấu trừ thuế

1. Khấu trừ thuế

Khấu trừ thuế là việc tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện tính trừ số thuế phải nộp vào thu nhập của người nộp thuế trước khi trả thu nhập, cụ thể như sau:

a) Thu nhập của cá nhân không cư trú

Tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập chịu thuế cho cá nhân không cư trú có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân trước khi trả thu nhập. Số thuế phải khấu trừ được xác định theo hướng dẫn tại Chương III (từ Điều 17 đến Điều 23) Thông tư này.”

Căn cứ các quy định và hướng dẫn nêu trên, trường hợp Công ty có thuê máy móc của cá nhân người nước ngoài (không hiện diện tại Việt Nam) để phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh của Công ty tại Việt Nam thì cá nhân người nước ngoài được xác định là cá nhân không cư trú, thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính và chịu thuế TNCN theo quy định tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính.

Công ty có trách nhiệm kê khai, nộp thay thuế cho cá nhân nước ngoài, cụ thể:

1/ Về thủ tục kê khai, nộp thuế nhà thầu như sau:

1.1. Về đăng ký mã số thuế nộp thay cho nhà thầu nước ngoài:

Công ty (Bên Việt Nam) thực hiện đăng ký mã số thuế nộp thay với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính. Hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.1-ĐK-TCT (*ban hành kèm theo số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính*);

- Bảng kê các hợp đồng nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua Bên Việt Nam mẫu số 04.1-ĐK-TCT-BK (*ban hành kèm theo số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính*).

1.2. Về hồ sơ, kê khai, nộp thuế nhà thầu:

Công ty (Bên Việt Nam) kê khai, nộp thuế nhà thầu theo từng lần phát sinh theo mẫu số 01/NTNN (*ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính*);

Thời hạn kê khai, nộp thuế chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế (khi bên Việt Nam thanh toán tiền cho cá nhân người nước ngoài) theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội và điểm n khoản 4 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

1.3. Xác định số thuế phải nộp:

Số thuế GTGT phải nộp được xác định theo hướng dẫn tại Điều 12 Mục 3 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính.

$$\begin{aligned} \text{Số thuế GTGT} &= \text{Doanh thu tính} \times \text{Tỷ lệ \% để tính thuế} \\ \text{phải nộp} &\quad \text{thuế GTGT} \quad \text{GTGT trên doanh thu} \\ &+ \text{Doanh thu để tính thuế GTGT thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1} \\ &\text{Điều 12 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính;} \\ &+ \text{Tỷ lệ thuế GTGT tính trên doanh thu tính thuế là } 5\% \text{ áp dụng đối với} \\ &\text{ngành dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 12} \\ &\text{Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính.} \end{aligned}$$

2/ Về thủ tục kê khai, nộp thuế TNCN của cá nhân nước ngoài như sau:

2.1. Về hồ sơ, kê khai, nộp thuế TNCN:

Công ty (Bên Việt Nam) kê khai, nộp thuế TNCN theo mẫu số 06/TNCN (*ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính*);

2.2. Xác định số thuế phải nộp:

Số thuế TNCN phải nộp được xác định theo hướng dẫn tại Điều 17 Chương 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính.

$$\begin{aligned} \text{Số thuế TNCN} &= \text{Doanh thu từ hoạt} \times \text{Thuế suất} \\ \text{phải nộp} &\quad \text{động kinh doanh} \\ &+ \text{Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của cá nhân người nước ngoài (cá} \\ &\text{nhân không cư trú) thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số} \\ &\text{111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính;} \\ &+ \text{Thuế suất thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân người} \\ &\text{nước ngoài (cá nhân không cư trú) là } 5\% \text{ áp dụng đối với hoạt động kinh doanh} \\ &\text{dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 17 Thông} \\ &\text{tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính.} \end{aligned}$$

Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh trả lời để Công ty biết và thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có điều gì vướng mắc, đề nghị Công ty liên hệ với Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh (phòng Tuyên truyền và Hỗ trợ người nộp thuế - Số điện thoại: 0222.3822347) để được hướng dẫn và giải đáp./. *Phú*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Các Phòng, các CCT thuộc Cục Thuế;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT (ncminh - 6, 20). *Phú*

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

